

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**QUÝ II CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY
31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT
YẾN SÀO KHÁNH HÒA**

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		455,995,249,283	449,424,314,619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	40,080,325,031	11,279,392,744
1. Tiền	111		40,080,325,031	11,279,392,744
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230,473,042,455	221,941,998,770
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	166,799,697,880	112,648,506,656
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3,059,882,875	2,559,217,826
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	46,000,000,000	76,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	14,613,461,700	30,734,274,288
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		179,559,289,830	214,148,724,924
1. Hàng tồn kho	141	V.6	179,559,289,830	214,148,724,924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5,882,591,967	2,054,198,181
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1,979,022,883	1,605,333,331
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3,903,569,084	448,864,850
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		152,595,891,140	159,352,113,955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37,000,000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	37,000,000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		69,364,786,073	73,297,628,890
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	65,960,568,073	69,870,910,890
- Nguyên giá	222		129,351,033,772	126,946,097,777
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(63,390,465,699)	(57,075,186,887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3,404,218,000	3,426,718,000
- Nguyên giá	228		3,482,968,000	3,482,968,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78,750,000)	(56,250,000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1,023,972,182	201,925,091
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1,023,972,182	201,925,091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,000,000,000	9,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	9,000,000,000	9,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73,170,132,885	76,852,559,974
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	73,170,132,885	76,852,559,974
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		608,591,140,423	608,776,428,574

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		334,490,049,489	300,964,213,766
I. Nợ ngắn hạn	310		334,490,049,489	300,964,213,766
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	81,027,321,605	129,428,434,559
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	129,097,418	1,430,716,732
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10,775,447,512	6,271,498,423
4. Phải trả người lao động	314	V.15	62,044,691,863	55,976,550,804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4,954,083,827	8,438,496,165
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	62,549,071,042	5,626,464,798
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	86,317,036,345	83,502,381,638
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	26,693,299,877	10,289,670,647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ



Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		274,101,090,934	307,812,214,808
I. Vốn chủ sở hữu	410		274,101,090,934	307,812,214,808
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	12,239,098,951	7,596,559,857
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	28,511,830,613	66,865,493,581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		350,789,399	66,865,493,581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		28,161,041,214	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		608,591,140,423	608,776,428,574

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2020


Phạm Thị Lành
 Người lập


Giám đốc
Nguyễn Khoa Bảo

Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

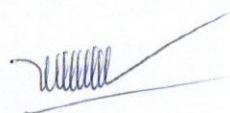
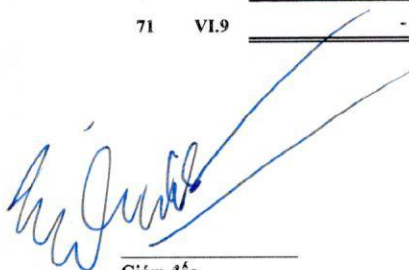
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	266,510,414,279	413,118,906,194	694,715,093,040	802,907,050,601
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		266,510,414,279	413,118,906,194	694,715,093,040	802,907,050,601
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	212,954,756,060	333,966,964,977	565,039,012,678	657,688,563,246
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53,555,658,219	79,151,941,217	129,676,080,362	145,218,487,355
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,318,461,568	3,887,313,523	4,901,240,730	5,788,313,878
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,050,335,908	2,314,654,527	4,593,082,776	4,491,421,247
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,853,233,775	2,075,650,747	3,997,272,492	4,232,811,726
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	20,121,918,686	38,515,981,977	51,367,872,961	65,328,044,509
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10,875,890,383	13,342,018,608	28,303,003,441	27,214,531,189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24,825,974,810	28,866,599,628	50,313,361,914	53,972,804,288
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	16,210,614	21,158,350	16,210,614
12. Chi phí khác	32	VI.8	624,783	-	713,063	-
13. Lợi nhuận khác	40		(624,783)	16,210,614	20,445,287	16,210,614
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24,825,350,027	28,882,810,242	50,333,807,201	53,989,014,902
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4,993,763,062	5,451,251,602	10,116,552,153	10,145,267,853
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19,831,586,965	23,431,558,640	40,217,255,048	43,843,747,049
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-	-	-


Phạm Thị Lành
Người lập

Giám đốc
Nguyễn Khoa Bảo

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2020

Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50,333,807,201	53,989,014,902
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8; V.9	6,337,778,812	5,592,017,028
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4,901,240,730)	(5,689,126,006)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3,997,272,492	4,232,811,726
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		55,767,617,775	58,124,717,650
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(57,279,229,643)	(90,041,872,928)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	34,589,435,094	75,255,637,817
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(42,688,134,367)	19,466,474,193
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7a;b	3,308,737,537	5,053,364,570
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(3,997,272,492)	(4,232,811,726)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(6,575,000,000)	(7,815,899,111)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(1,082,749,692)	(13,984,484,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,956,595,788)	41,825,126,465
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6,530,826,286)	(12,212,652,273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		30,000,000,000	25,739,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.4	20,473,699,654	5,689,126,006
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		43,942,873,368	12,215,473,733

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

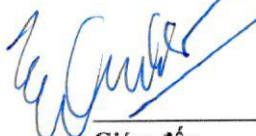

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	368,282,460,910	368,900,851,415
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(365,467,806,203)	(357,488,477,087)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(53,820,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2,814,654,707	(42,407,625,672)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28,800,932,287	11,632,974,526
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	11,279,392,744	6,128,237,538
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	40,080,325,031	17,761,212,064

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2020


Phạm Thị Lành
 Người lập


Giám đốc
Nguyễn Khoa Bảo

Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật


CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến, nuôi chim yến.	100%	100%	
Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa (*)	Lô NM5, NM6 đường số 1, Cụm Công nghiệp Sông Cầu, Xã Sông Cầu, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa.	Chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến.	100%	100%	
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%	100%	
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa (*)	Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa.	Bán buôn tổ yến và các sản phẩm từ tổ yến.	100%	100%	

(*) Các công ty này chưa phát sinh số liệu kế toán do đang trong quá trình thành lập.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 959 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 919 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu, chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí thuê mặt bằng và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho mặt bằng đang sử dụng. Tiền thuê mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	03 – 05

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Chi phí đi vay

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.388.532.989	1.349.809.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	37.691.792.042	9.929.583.131
Cộng	40.080.325.031	11.279.392.744

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	147.546.652.005	102.457.588.436
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa	79.349.541.185	41.424.280.141
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	49.750.060.674	40.046.925.214
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	774.620.660	1.556.167.532
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	184.987.770	76.322.840
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	562.698.950	1.609.066.778
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	78.093.320	737.106.351
Cửa hàng tổng hợp - Công ty Cổ phần du lịch thương mại Nha Trang	16.807.128.966	16.807.128.966
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa	40.520.480	200.590.614

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	19.253.045.875	10.190.918.220
Công ty TNHH MTV Yến Sào Phú Khánh	9.765.847.096	9.765.847.096
Các khách hàng khác	9.487.198.779	425.071.124
Cộng	166.799.697.880	112.648.506.656

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	-	1.769.508.216
Công ty TNHH Vĩnh Thành	1.289.200.000	483.450.000
Các nhà cung cấp khác	1.770.682.875	306.259.610
Cộng	3.059.882.875	2.559.217.826

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa (bên liên quan) vay ngắn hạn, thời gian cho vay 12 tháng kể ngày cho vay, lãi suất cho vay là 6.5%/năm.

5. Phải thu ngắn hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	13.147.019.346	-	29.481.387.897	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	13.111.398.246	-	28.683.857.170	-
- Lợi nhuận được chia	8.019.672.218	-	20.846.932.732	-
- Lãi cho vay	5.091.726.028	-	7.836.924.438	-
Công ty TNHH MTV Nhà máy nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa	14.389.900	-	797.530.727	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam	10.615.600	-	-	-
Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa	10.615.600	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.466.442.354	-	1.252.886.391	-
Tạm ứng	1.190.251.213	-	1.107.196.944	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	276.191.141	-	145.689.447	-
Cộng	14.613.461.700	-	30.734.274.288	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ thuê văn phòng.

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	76.097.290.518	-	104.631.810.675	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	68.431.850.174	-	49.273.649.044	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.999.240.447	-	5.654.023.855	-
Thành phẩm	23.365.991.262	-	47.005.165.772	-
Hàng hóa	5.194.607.911	-	2.040.239.855	-
Hàng gửi đi bán	3.470.309.518	-	5.543.835.723	-
Cộng	179.559.289.830	-	214.148.724.924	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí thuê mặt bằng, văn phòng.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	58.522.962.190	63.268.770.056
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.567.329.351	3.337.731.871
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	8.595.913.343	6.678.729.187
Chi phí sửa chữa tài sản	2.472.938.666	3.544.872.747
Các chi phí trả trước dài hạn khác	10.989.335	22.456.113
Cộng	73.170.132.885	76.852.559.974

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	17.571.421.328	95.234.954.996	13.330.407.559	615.113.894	194.200.000	126.946.097.777
Mua trong kỳ	145.026.945	778.280.000	1.412.272.727	69.356.323	-	2.404.935.995
Phân loại tài sản	(129.232.000)	129.232.000	-	-	-	-
Số cuối kỳ	17.587.216.273	96.142.466.996	14.742.680.286	684.470.217	194.200.000	129.351.033.772
Trong đó:						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	1.067.698.138	17.996.263.278	5.933.834.761	220.202.076	-	25.217.998.253
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	9.862.233.761	35.882.430.153	11.018.365.285	298.947.688	13.210.000	57.075.186.887
Khấu hao trong kỳ	565.369.786	5.124.311.572	572.447.805	33.729.649	19.420.000	6.315.278.812
Phân loại tài sản	(23.692.533)	23.692.533	-	-	-	-
Số cuối kỳ	10.403.911.014	41.030.434.258	11.590.813.090	332.677.337	32.630.000	63.390.465.699
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	7.709.187.567	59.352.524.843	2.312.042.274	316.166.206	180.990.000	69.870.910.890
Số cuối kỳ	7.183.305.259	55.112.032.738	3.151.867.196	351.792.880	161.570.000	65.960.568.073
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.257.968.000	225.000.000	3.482.968.000
Số cuối kỳ	3.257.968.000	225.000.000	3.482.968.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	56.250.000	56.250.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.500.000	22.500.000
Số cuối kỳ	-	78.750.000	78.750.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.257.968.000	168.750.000	3.426.718.000
Số cuối kỳ	3.257.968.000	146.250.000	3.404.218.000
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng công trình Nhà máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu.

11. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư vào công ty con, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng				
Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Cộng	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 ngày 09 tháng 11 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kế toán, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.
- Các công ty con khác là : Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam, Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa hiện đang trong giai đoạn thành lập, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty bán hàng hóa và thành phẩm	452.813.676	146.012.500
Công ty mua nguyên vật liệu và hàng hóa	16.626.093.162	1.541.939.408
Công ty thu hồi gốc vay	30.000.000.000	25.739.000.000
Công ty cho vay	-	7.000.000.000
Lãi tiền vay được nhận	2.360.657.535	2.003.066.082
Lợi nhuận được chia	2.275.757.631	3.578.875.636
Bù trừ công nợ	498.095.043	3.285.400.710

Cam kết góp vốn

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201770743 ngày 08 tháng 12 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa 50.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty con. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa là 50.000.000.000 VND.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815338 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty con. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Việt Nam là 36.000.000.000 VND.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201815419 ngày 11 tháng 10 năm 2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa góp vốn điều lệ vào công ty con. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Yến sào Sanvinest Khánh Hòa là 36.000.000.000 VND.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	25.304.371.795	20.070.708.365
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Tuyển Bắc Nam	2.110.831.725	4.219.847.771
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Sanna Khánh Hòa	497.234.215	894.990.747
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	22.696.305.855	14.905.698.417
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	-	38.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà máy thực phẩm Cao cấp Yến Sào Khánh Hoà (trực thuộc Công ty Yến Sào)	-	11.771.430
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	55.722.949.810	109.357.726.194
Công ty Liên Doanh TNHH Crown Sài Gòn	1.934.565.120	11.483.852.372
Hanil Can Co., Ltd	9.360.689.785	4.896.582.457
Các nhà cung cấp khác	44.427.694.905	92.977.291.365
Cộng	81.027.321.605	129.428.434.559

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ và thương mại Vinh Tịnh	27.087.549	-
Hộ kinh doanh Nguyễn Thanh Quang	8.540	1.220.940.951
Các khách hàng khác	102.001.329	209.775.781
Cộng	129.097.418	1.430.716.732

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.747.424.160	-	33.921.185.475	(32.954.410.889)	5.714.198.746	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	9.060.930.738	(9.060.930.738)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.766.915.761	(1.766.915.761)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.519.696.613	-	10.116.552.153	(6.575.000.000)	5.061.248.766	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	448.864.850	4.359.865.766	(7.814.570.000)	-	3.903.569.084
Thuế tài nguyên	4.377.650	-	7.860.750	(12.238.400)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Cộng	6.271.498.423	448.864.850	59.241.310.643	(58.192.065.788)	10.775.447.512	3.903.569.084

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.333.807.201	53.989.014.902

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	248.953.563	316.200.000
Thu nhập chịu thuế	50.582.760.764	54.305.214.902
Thu nhập được miễn thuế	-	(3.578.875.636)
Thu nhập tính thuế	50.582.760.764	50.726.339.266
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.116.552.153	10.145.267.853

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 5.000 VND/m³, thuế suất 5%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thưởng cho nhà phân phối	4.100.000.000	4.629.803.247
Chi phí quảng bá thương hiệu	501.572.727	1.186.181.818
Chi phí thuê kho	320.000.000	370.000.000
Chi phí thuê văn phòng	-	1.620.000.000
Trích trước chi phí vận chuyển	-	600.000.000
Chi phí khác	32.511.100	32.511.100
Cộng	4.954.083.827	8.438.496.165

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	40.346.214.000	-
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa - Cổ tức phải trả	28.785.420.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang - Cổ tức phải trả	11.560.794.000	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	22.202.857.042	5.626.464.798
Kinh phí công đoàn	3.028.501.334	2.399.146.656
Bảo hiểm xã hội	6.775.476	39.461.286

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.095.786.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.071.794.232	3.187.856.856
Cộng	62.549.071.042	5.626.464.798

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay và nợ tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	86.317.036.345	83.502.381.638
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	12.059.218.848	26.370.121.864
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	12.372.749.329	25.515.137.735
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.416.694.691	6.996.470.276
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ^(iv)	36.468.373.477	24.620.651.763
Cộng	86.317.036.345	83.502.381.638

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 5 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	83.502.381.638
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	368.282.460.910
Số tiền vay đã trả	(365.467.806.203)
Số cuối kỳ	86.317.036.345

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	8.913.709.181	14.070.880.462	(932.500.000)	22.052.089.643
Quỹ phúc lợi	735.179.113	563.431.162	(150.249.692)	1.148.360.583
Quỹ thưởng Ban điều hành	640.782.353	289.580.462	-	930.362.815
Cộng	10.289.670.647	14.923.892.086	(1.082.749.692)	24.130.813.041

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	4.331.871.429	52.097.677.842	289.779.710.641
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(324.443.728)	(324.443.728)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(53.820.000.000)	(53.820.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	43.843.747.049	43.843.747.049
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	2.192.187.352	(2.192.187.352)	
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(10.960.936.762)	(10.960.936.762)
Số dư cuối kỳ trước	230.000.000.000	3.350.161.370	6.524.058.781	28.643.857.049	268.518.077.200
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	7.596.559.857	66.865.493.581	307.812.214.808
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	40.217.255.048	40.217.255.048
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ này	-	-	-	(11.468.634.988)	(11.468.634.988)
Tạm trích quỹ thưởng ban điều hành kỳ này	-	-	-	(93.851.848)	(93.851.848)
Tạm trích quỹ đầu tư phát triển kỳ này	-	-	493.726.998	(493.726.998)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(56.442.000.000)	(56.442.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm trước	-	-	4.148.812.096	(4.148.812.096)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(5.634.311.624)	(5.634.311.624)
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(289.580.462)	(289.580.462)
Số dư cuối kỳ này	230.000.000.000	3.350.161.370	12.239.098.951	28.511.830.613	274.101.090.934

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các cổ đông khác	65.590.000.000	65.590.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

Công ty đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 230.000.000.000 VND.

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ này với số tiền 9.000.000.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm trong kỳ

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	2.996.023.500	3.154.270.900
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.434.894.940	3.043.073.000
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	5.131.848.220	5.726.687.900
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.875.571.120	5.680.717.425
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	24.338.282.116	49.389.987.807
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến sào Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	417.362.260.900	494.600.102.458
Công ty TNHH MTV Sanest Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	14.714.653.249	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm		-	23.733.190.662
2. Giá vốn hàng bán			
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm bán trong kỳ.			
3. Doanh thu hoạt động tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	257.804.033	99.595.210	264.825.564 107.184.288
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	- 99.187.872
Lãi tiền cho vay	2.360.657.535	2.003.066.082	2.360.657.535 2.003.066.082
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.700.000.000	1.784.652.231	2.275.757.631 3.578.875.636
Cộng	4.318.461.568	3.887.313.523	4.901.240.730 5.788.313.878
4. Chi phí tài chính			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay Năm trước
Chi phí lãi vay	1.853.233.775	2.075.650.747	3.997.272.492 4.232.811.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	197.102.133	239.003.780	595.810.284 258.609.521
Cộng	2.050.335.908	2.314.654.527	4.593.082.776 4.491.421.247
5. Chi phí bán hàng			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.219.246.697	5.477.607.441	10.324.303.832 12.046.323.404
Chi phí vật liệu, bao bì	24.082.908	76.944.811	68.155.325 122.370.711
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	142.892.664	55.864.043	270.746.011 137.585.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	276.783.892	277.746.264	520.178.602 558.530.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.430.220.785	20.541.671.840	22.106.832.893 26.921.800.494
Các chi phí khác	9.028.691.740	12.086.147.578	18.077.656.298 25.541.433.463
Cộng	20.121.918.686	38.515.981.977	51.367.872.961 65.328.044.509
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.898.234.647	10.110.281.196	21.310.745.907 22.274.342.572
Chi phí vật liệu, bao bì	749.454.771	565.855.583	1.075.790.742 813.483.971
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	94.073.289	103.541.519	188.146.578 221.798.373

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.576.232	49.166.666	17.656.232	98.866.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.982.529.126	2.083.742.356	4.916.280.266	3.268.208.519
Các chi phí khác	144.022.318	429.431.288	794.383.716	537.831.288
Cộng	10.875.890.383	13.342.018.608	28.303.003.441	27.214.531.189

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
	Quý 2 năm 2020	Quý 2 năm 2019	Năm nay	Năm trước
Hàng hóa được biếu, tặng	-	-	19.950.000	-
Thu nhập khác	-	16.210.614	1.208.350	16.210.614
Cộng	-	16.210.614	21.158.350	16.210.614

8. Chi phí khác

Là khoản lãi chậm nộp thuế.

9. Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt thực hiện theo quy định của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con, Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Cổ đông, sở hữu 20,48% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51,06% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam	Công ty do Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 100% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Nhà nước MTV Yến Sào Khánh Hòa		
Công ty nhận tiền hàng từ Công ty mẹ	392.094.108.950	448.100.000.000
Chi phí sử dụng dịch vụ vận chuyển	654.545.454	720.000.000
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	8.451.098.856	7.695.475.645

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí gia công yến nguyên liệu	18.268.110.000	24.490.690.000
Thanh toán cổ tức năm 2018	-	27.448.200.000
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	15.470.220.280	24.398.758.303
Bù trừ công nợ	17.017.242.308	27.968.969.161
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist		
Chi phí dịch vụ, vận chuyển	38.625.454	164.727.273
Công ty thanh toán chi phí dịch vụ, vận chuyển	42.488.000	181.200.000
Bù trừ công nợ		442.335.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tuyển Bắc Nam		
Công ty thanh toán tiền mua nhiên liệu	7.963.204.042	7.040.547.984
Công ty mua nhiên liệu: xăng, dầu	5.321.989.084	6.631.710.681
Công ty TNHH MTV Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa		
Phải trả chi phí sử dụng dịch vụ	72.727	34.909.091
Thanh toán chi phí sử dụng dịch vụ	38.320.000	38.400.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang		
Thanh toán cổ tức năm 2018		3.769.740.000
Công ty mua hàng hóa	34.036.364	-
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanna Khánh Hòa		
Công ty mua nguyên liệu, hàng hóa	757.704.886	1.617.615.669
Công ty thanh toán tiền mua hàng	1.232.330.148	485.162.906

Ngoài ra, Công ty mẹ là Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa còn bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty tại các tổ chức tín dụng (xem thuyết minh số V.18).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.4, V.5a, V.12 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.




Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 29 tháng 7 năm 2020



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật